

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2017/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Công Hiến
Ông: Nguyễn Đình Phong

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Hồng Mơ - Thư ký toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 29/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 75/2017/HSST ngày 03/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/HSST-QĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

*** Trần Thị B**, sinh năm 1983 (Tên gọi khác Trần Thị N); tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 02/12; con ông (không xác định) và bà Trần Thị N; chồng Phạm Quốc C, sinh năm 1979 (đã ly hôn năm 2008) và có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Tại Bản án số 68/2013/HSST ngày 25/12/2013 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 27 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 27/12/2016, chấp hành xong hình phạt tù, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1999; trú tại tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh N (Vắng mặt tại phiên tòa).

Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1986; trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N (Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Thị B là người sử dụng ma túy. Chiều ngày 03/8/2017, Trần Thị T sinh năm 1979, trú tại phố T, thị trấn M, huyện G, tỉnh N (*là bạn của B*), gọi điện rủ B đến thị trấn M để sử dụng ma túy đá, B đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2 – 010.92, nhãn hiệu YAMAHA ACRUZO, đi từ thành phố T đến nhà của T. Sau đó, B và T đến quán karaoke Thảo My ở phố M, thị trấn M, huyện G ngồi uống nước. Tại đây, T gọi điện cho Nguyễn Văn V, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N (*T và V đều là người sử dụng ma túy*) rủ V đến quán Karaoke Thảo My ngồi uống nước cùng B và T. Khi thấy V đến, T nói với B: “*Chị xem có chỗ nào lấy đồ thì gọi đi*” _ ý T nói B gọi điện hỏi mua ma túy đá. B liền gọi điện cho một người tên H (*B không rõ lai lịch của H*) để hỏi mua ma túy đá nhưng H nói đang ở Thanh Hóa, không về được. T hỏi V: “*Xem có chỗ nào lấy đồ không*” . V trả lời: “*Vậy để em xuống Gián tìm xem, chị có xe không cho em mượn*” _ ý V nói đến khu vực ngã ba Gián Khẩu thuộc xã G, huyện G tìm mua ma túy đá. B đồng ý và nói “*Vậy cũng được, anh em mình cùng đi mua đồ*”. Khi ra bên ngoài quán Karaoke Thảo My, B hỏi V: “*Anh lấy bao nhiêu*” _ ý hỏi mua bao nhiêu tiền ma túy đá, V trả lời: “*Lấy một triệu thôi*”. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2 – 010.92 của B chở B đi xuống khu vực ngã ba Gián Khẩu, huyện G tìm mua ma túy đá. Khi V chở B đến khu vực đường 477, cách ngã ba Gián Khẩu khoảng 1Km, V bảo B xuống xe và đứng đợi còn V tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2 – 010.92 đi đến khu vực ngã ba Gián Khẩu. Tại đây, V gặp và mua của một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) 01 gói nhỏ ma túy đá gói ngoài bằng giấy nilon màu trắng, bên trong đựng các hạt tinh thể màu trắng trong suốt với giá 1.000.000 đồng. V cất gói ma túy đá vào bao thuốc lá Thăng Long mà V mang theo rồi cầm bao thuốc lá ở tay trái, rồi điều khiển xe mô tô quay lại đón B. Khi gặp, B hỏi V: “*Lấy được chưa*” _ ý hỏi V có mua được ma túy đá chưa. V trả lời: “*Lấy được rồi*”, đồng thời đưa bao thuốc lá đựng gói nhỏ ma túy đá cho B. B cầm bao thuốc đựng ma túy đá ở tay trái và cùng V quay về thị trấn M. Trên đường về B và V thống nhất vào nhà nghỉ Hùng Thịnh ở phố T, thị trấn M, huyện G thuê phòng nghỉ để sử dụng ma túy đá. Khoảng 22 giờ cùng ngày, V chở B đến cổng nhà nghỉ Hùng Thịnh, B xuống xe đi bộ vào nhà nghỉ thuê phòng trước còn V điều khiển xe đi đón T. Sau khi V đi, B mở bao thuốc lá Thăng Long lấy gói nhỏ ma túy đá cầm ở tay trái rồi cất bao thuốc lá vào chiếc túi xách giả da màu đen mà B mang theo. Khoảng 22 giờ 05 phút ngày 03/8/2017, khi B đang đứng ở khu vực trước cửa phòng vệ sinh tại tầng 1 nhà nghỉ Hùng Thịnh để làm thủ tục nhận phòng nghỉ, thì thấy Tổ công tác của Công an huyện G phối hợp với Công an thị trấn M đến nhà nghỉ Hùng Thịnh kiểm tra hoạt động kinh

doanh. Sợ bị phát hiện mình cất giấu ma túy nên B đã ném gói nhỏ ma túy đã đang cầm ở tay trái xuống nền nhà, cách vị trí B đứng khoảng 01 mét, nhưng đã bị Tổ công tác phát hiện và yêu cầu B nhặt lên để kiểm tra. Thu giữ của B 01 gói nhỏ gói ngoài bằng giấy nilon màu trắng (*giấy nilon bọc ngoài bao thuốc lá*), bên trong chứa các tinh thể màu trắng. B khai nhận đó là ma túy đá, cất giấu để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, thu giữ của B 01 chiếc túi xách giả da màu đen và 01 vỏ hộp bao thuốc lá Thăng Long. Ngoài ra, còn thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B2 – 010.92 của Trần Thị B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đo niêm phong túi nilon màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng, trong suốt thu của B (Ký hiệu M), để gửi đi xác định trọng lượng và trưng cầu giám định chất ma túy.

Tại biên bản mở niêm phong, cân xác định khối lượng của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N ngày 05/8/2017 đã xác định khối lượng chất trong mẫu ký hiệu M gửi tới giám định là **0,7345 gam**.

Tại bản Kết luận giám định số 187/KLGD-PC54-MT ngày 05/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng ký hiệu M có khối lượng 0,7345 (Không phải bảy nghìn ba trăm bốn mươi lăm) gam là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục II; số thứ tự 67; Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,5772 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu M là chất ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu.

Quá trình điều tra vụ án, **Trần Thị B** đó khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 02/11/2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Trần Thị B ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p, 1 khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Thị B** từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật, bên trong đựng 01 vỏ bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 mảnh giấy nilon màu trắng

trong suốt; 01 phong bì dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật trên phong bì ghi số 187/KLGD-PC54-MT bên trong đựng 0,5772 gam Methamphetamine; Toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu; 01 vỏ hộp bao thuốc lá nhón hiệu Thăng Long; 01 túi xách giả da màu đen đỏ cũ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà bị cáo Trần Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố, bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ 20 phút, ngày 03/8/2017 Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2 – 010.92 chở B, từ quán karaoke Thảo My ở phố M, thị trấn M, huyện G đến khu vực ngã ba Gián Khẩu, huyện G tìm mua ma túy đá về sử dụng. Khi đi đến đến khu vực đường 477, cách ngã ba Gián Khẩu khoảng 1Km, V bảo B xuống xe và đứng đợi còn V tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến khu vực ngã ba Gián Khẩu. Nguyễn Văn V gặp và mua của một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) 01 gói ma túy đá gói ngoài bằng giấy nilon màu trắng với giá 1.000.000 đồng. V cất gói ma túy đá vào bao thuốc lá Thăng Long và cầm ở tay trái, rồi điều khiển xe mô tô đi đón B; khi gặp B, V đưa bao thuốc lá đựng gói ma túy đá cho B. B cầm bao thuốc lá đựng ma túy đá ở tay trái. Khoảng 22 giờ cùng ngày, V và B đến nhà nghỉ Hùng Thịnh ở phố T, thị trấn M, huyện G thuê phòng nghỉ để sử dụng ma túy đá. Tại đây, B lấy gói ma túy đá cầm ở tay trái rồi cất bao thuốc lá vào chiếc túi xách. Khoảng 22 giờ 05 phút ngày 03/8/2017, tại tầng 1 nhà nghỉ Hùng Thịnh, B gặp Tổ công tác của Công an huyện G phối hợp với Công an thị trấn M đến nhà nghỉ Hùng Thịnh kiểm tra hoạt động kinh doanh. Sợ bị phát hiện mình cất giấu ma túy nên B đã ném gói ma túy đá đang cầm ở tay trái xuống nền nhà, cách vị trí B đứng khoảng 01 mét, nhưng bị Tổ công tác phát hiện, bắt quả tang.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản vi phạm hành chính, phù hợp với kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ kết luận: Trần Thị B là người đã có 01 tiền án về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", chưa được xóa án tích, ngày 03/8/2017 lại có hành vi cất giấu trái phép **0,7345** gam Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng theo quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Ma túy đang là một tệ nạn xã hội nguy hiểm mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, tội phạm về ma túy hoạt động ngày một liều lĩnh, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, ảnh hưởng tới sự phát triển của giống nòi, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Bản thân bị cáo là người đã có gia đình, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện, chăm lo cho gia đình, lại sa chân vào con đường nghiện ngập dẫn đến phạm tội. Vì vậy phải có biện pháp xử lý thật nghiêm khắc, bằng hình thức cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là phụ nữ có thai. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm 1, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12) có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm; do chuyển biến tình hình và chính sách hình sự mới nhân đạo của Nhà nước ta; căn cứ tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; các quy định hình phạt nhẹ hơn và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01/01/2018. Do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng trong quá trình xét xử đối với bị cáo Trần Thị B.

Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân các bị cáo là người sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, không mang tính vụ lợi, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật, bên trong đựng 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 mảnh giấy nilon màu trắng trong suốt; 01 phong bì dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật trên phong bì ghi số 187/KLGD-PC54-MT bên trong đựng 0,5772 gam Methamphetamine; Toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu; 01 vỏ hộp bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long; 01 túi xách giả da màu đen dó cũ, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2-010.92. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản của chị Phạm Thị Thu T, (là con gái của Trần Thị B). Việc B sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy về sử dụng chị T không biết. Vì vậy, Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện G đó trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị T, là phù hợp quy định của pháp luật.

Trong vụ án còn có Nguyễn Văn V là người cùng B mua và cất giấu 0,7345 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra xác định: V chưa có tiền án về tội phạm ma túy. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hành sự đối với V. Công an huyện G đó ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn V về hành vi "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với Trần Thị T là người cùng tham gia bàn bạc, thống nhất việc đi mua ma túy sử dụng với B và V, tuy nhiên tài liệu điều tra xác định T không trực tiếp đi mua ma túy cùng B và V, lại không góp tiền mua ma túy. Quá trình điều tra xác định T chưa có tiền án về tội phạm ma túy, đó nhiều lần triệu tập T làm việc, nhưng T không có mặt ở địa phương. Do đó, cần tách phần tài liệu liên quan đến Trần Thị T để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Về nguồn gốc số Methamphetamine Nguyễn Văn V khai mua của người đàn ông tại khu vực ngã ba Gián Khẩu, xã G, huyện G và người đàn ông tên H mà B đó gọi điện thoại hỏi mua ma túy đá. Tuy nhiên, V và B đều không rõ lai lịch của những người này, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. *Tuyên bố:*

Bị cáo **Trần Thị B** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm 1, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị B** 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật, bên trong đựng 01 vỏ bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 mảnh giấy nilon màu trắng trong suốt; 01 phong bì dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật trên phong bì ghi số 187/KLGD-PC54-MT bên trong đựng 0,5772 gam Methamphetamine; Toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu; 01 vỏ hộp bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long; 01 túi xách giả da màu đen đỏ cũ. (Đặc điểm chi tiết vật chứng tịch thu, tiêu huỷ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/11/2017, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Trần Thị B phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:	THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Tòa án ND tỉnh N;	THẨM PHÁN - CHỦ TOÁN PHIÊN TOÀN
- Công an huyện G;	
- Thị hành án huyện G;	
- VKS ND huyện G;	
- Bị cáo; ng- ời CQLNVLQ - L- u HS, VP (Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).	Hà Thiện Thành